

Hán dịch: nhà Tống, Tam Tạng Pháp Sư Cầu Na Bạt Đà La

Việt Dịch: Tỳ-kheo Thích Duy Lực

KINH LĂNG GIÀ

(LĂNG GIÀ A BẠT ĐÀ LA BỬU KINH)

QUYỂN 4.1 & CÚNG NGỌ



NGHI THỨC TỤNG KINH LĂNG GIÀ

TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN

Án Lam. (7 lần)

TỊNH BA NGHIỆP CHƠN NGÔN

**Án ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ,
đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám.** (3 lần)

ÁN THỔ-ĐỊA CHÂN-NGÔN

Năng mờ tam mãn đa, một đà nẫm.

Án độ rô, độ rô địa vĩ, ta bà-ha. (3 lần)

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN

Án nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)

TÁN HƯƠNG

Nguyện mây hương màu này
Khắp cùng mười phương cõi
Cúng dường tất cả Phật
Tôn Pháp, chư Bồ-tát
Vô biên chúng Thanh-văn
Và cả thầy Thánh Hiền
Duyên khởi đài sáng chói
Trùm đến vô biên cõi
Khắp xông các chúng sanh
Đều phát Bồ-đề tâm
Xa lìa những nghiệp vọng
Trọn nên đạo vô thượng.

KỲ NGUYỆN

Tư thời Việt Nam quốc, kim cư Hoa Kỳ quốc,... đệ tử chúng đẳng cung đối Phật tiền thành tâm thiết lễ, tu hương hiến cúng, phúng tụng đại thừa Kinh Lăng Già, chuyên vì cầu an tập phước nghinh tường, tiêu tai giải nạn, nguyện cầu âm siêu dương thái sự,...

Nguyện thập phương thường trụ Tam Bảo, đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Cực-lạc thế giới A Di Đà Phật, đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Kim Cang Tạng Bồ-tát, nhất thiết chư đại Bồ-tát, chư Thánh Hiền Tăng, Già-lam thánh chúng thùy từ quang giáng đạo tràng chứng minh công đức, gia hộ hiện tiền đệ tử chúng đẳng tội chướng, báo chướng, phiền não chướng, nghiệp chướng,... tất giai tiêu diệt, thân tâm thanh tịnh, tinh tấn tu hành, tùy tâm mãn nguyện.

TÁN PHẬT

Pháp Vương Vô Thượng Tôn

Tam giới vô luân thất

Thiên nhân chi Đạo sư

Tứ sanh chi Từ phụ

Ư nhứt niệm quy y

Năng diệt tam kỳ nghiệp

Xưng dương nhược tán thán

Ức kiếp mạc năng tận.

QUÁN TƯỚNG

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thử đạo tràng như Đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

ĐÁNH LỄ TAM BẢO

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam mô Tận Hư Không Biến Pháp Giới, Quá, Hiện, Vị Lai Thập Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng Thường Trụ Tam Bảo. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam mô Ta Bà Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ-tát, Thanh-tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. (1 lạy)

TÁN LƯ HƯƠNG

Lư hương sạ nhiệt,
Pháp giới mông huân,
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xứ kiết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát (3 lần)
Ma-ha-tát.

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ-tát. (3 lần)

CHÚ ĐẠI BI

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà ra ni.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, Bồ-đề tát đỏa bà da, ma-ha tát đỏa bà da, ma-ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đát na tát đỏa. Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị da, bà lô yết đế thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cẩn trì hê rị, ma-ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà già, ma phạt đạt đậu, đát diệt tha. Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma-ha Bồ-đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị

đà dụng, cu lô cu lô kiết môn, độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma-
 ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phạt ra da, dá ra dá
 ra mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na a ra
 sâm Phạt ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phạt ra xá da, hô lô hô lô
 ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ-đề
 dạ bồ-đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cần trì địa rị
 sắc ni na, ba dạ ma na ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha. Ma-ha tất đà
 dạ ta bà ha. Tất đà du nghê thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần
 trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta
 bà ha. Ta bà ma-ha, a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ,
 ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà
 ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na, đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết
đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

"Án tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà dạ ta bà-ha." (3 lần)

Nam mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo. (3 lần)

VĂN PHÁT NGUYỆN

Cúi lạy đấng Tam-giới Tôn
Quy mạng mười phương Phật
Con nay phát nguyện rộng
Thọ trì Kinh Lăng Già
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ tam-đồ

Nếu có kẻ thấy nghe
Đều phát lòng Bồ-đề,
Hết một báo thân này
Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

KHAI KINH KỆ

Thăm thẳm cao siêu Pháp nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe thấy chuyên trì niệm
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Nam-mô Lăng Già Hội Thượng Phật, Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lần)

KINH LĂNG GIÀ

QUYỂN THỨ TƯ

(Trang 285 - 337)

Khi ấy, Đại Huệ Bồ-tát bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì chúng sanh thuyết Tam Miệu Tam Phật Đà, khiến con và các Đại Bồ-tát đối với tự tánh của Như Lai, khéo tự giác và giác tha.

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

Cho người tùy ý hỏi, Ta sẽ tùy sự hỏi của người mà thuyết.

Đại Huệ Bồ-tát bạch Phật rằng :

Bạch Thế Tôn ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác

Là tác hay chẳng tác?

Là sự ư? Là nhân ư?

Là tướng ư? Là sở tướng ư?

Là thuyết ư? Là sở thuyết ư?

Là giác ư? Là sở giác ư?

Những từ ngữ như thế là khác hay chẳng khác?

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đối với những từ ngữ này Phi sự cũng Phi nhân. Tại sao? Vì đều có lỗi.

Đại Huệ ! Nếu Như Lai là Sự, hoặc tác hoặc vô thường; nếu nói vô thường thì tất cả sự đều là Như Lai, Ta và chư Phật chẳng do như thế. Nếu chẳng phải sở tác, là Vô Sở đắc, pháp phương

tiện thành không, đồng như sừng thỏ, như con của Thạch Nữ, vì chẳng có gì cả.

Đại Huệ ! Nếu Vô Sự Vô Nhân thì phi hữu phi vô. Nếu phi hữu phi vô thì lọt vào tứ cú; tứ cú là ngôn thuyết của thế gian, nếu lìa tứ cú thì chẳng đọa tứ cú, vì chẳng đọa tứ cú là chứng đắc của bậc trí, nghĩa cú của tất cả Như Lai cũng như thế.

Đại Huệ nên biết, như Ta sở thuyết, tất cả pháp Vô Ngã. Nếu biết nghĩa Vô Ngã là tánh vô ngã. Tất cả pháp có tự tánh, chẳng tha tánh như trâu ngựa.

Đại Huệ ! Ví như con trâu chẳng có tánh ngựa, con ngựa chẳng có tánh trâu. Kỳ thật phi hữu phi vô, nghĩa ấy chẳng phải không có tự tánh.

Như thế, Đại Huệ! Tất cả các pháp chẳng phải không có tự tướng, có tự tướng nhưng Vô Ngã, chẳng phải phạm phu dùng vọng tưởng có thể biết.

Nói tất cả pháp Không, Vô Sanh, Vô Tự Tánh, nên biết nghĩa như trên. Như Lai nói ngũ ấm chẳng phải khác chẳng phải không khác. Nếu chẳng khác tức là vô thường, nếu khác thì phương tiện thành không. Nếu cho là hai thì phải có khác, như sừng trâu, mỗi mỗi tương tự nên chẳng khác; có dài ngắn sai biệt nên có khác, tất cả pháp cũng như thế.

Đại Huệ ! Như sừng trâu bên phải khác với sừng trâu bên trái, sừng bên trái khác với sừng bên phải, đủ thứ sắc tướng dài, ngắn mỗi mỗi khác nhau cũng như thế.

Đại Huệ ! Như Lai nói ẩm giới nhập chẳng phải khác hay không khác. Do đó, pháp sở thuyết của Như Lai gọi là giải thoát.

Nếu Như Lai nói khác với giải thoát, ắt phải do sắc tướng tạo thành. Nếu do sắc tướng tạo thành thì vô thường. Nếu chẳng khác thì người tu hành được tướng giải thoát không thể phân biệt, mà người tu hành thấy có phân biệt. Cho nên chẳng phải khác hay chẳng khác, cũng như trí và nhĩ diệm, chẳng phải khác hay chẳng khác.

**Đại Huệ ! Nói “Trí và nhĩ diệm chẳng phải khác hay chẳng khác” là phi thường phi vô thường,
phi tác phi sở tác,**

phi hữu vi phi vô vi,
phi giác phi sở giác,
phi tướng phi sở tướng,
phi ấm phi chẳng phải ấm,
phi thuyết phi sở thuyết,
phi nhất phi dị,
phi đồng phi chẳng đồng.

Vì phi nhất phi dị, phi đồng phi chẳng đồng, nên là tất cả lượng.

Là tất cả lượng thì vô ngôn thuyết, vô ngôn thuyết thì vô sanh, vô sanh thì vô diệt, vô diệt thì tịch diệt, tịch diệt là tự tánh Niết-bàn.

Tự tánh Niết-bàn là vô sự vô nhân, vô sự vô nhân thì chẳng có phan duyên, chẳng có phan duyên thì siêu việt tất cả hư ngụy; siêu việt tất cả hư ngụy tức là Như Lai, Như Lai tức là Tam Miếu Tam Phật Đà.

Đại Huệ ! Tam Miếu Tam Phật Đà của Phật Đà là tất cả căn lượng.

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

Pháp là chư căn lượng,

Vô sự cũng Vô Nhân.

Đã là giác sở giác,

Cũng là tướng sở tướng.

Ấm duyên đồng chánh giác,
Nhất dị chẳng thể thấy.
Nếu thật chẳng thể thấy,
Thì làm sao phân biệt?
Phi tác phi bất tác,
Phi sự cũng phi nhân.
Phi ấm phi là ấm,
Cũng chẳng có pháp khác.
Chẳng phải có các tánh,
Như vọng tưởng họ thấy.
Mỗi mỗi pháp cũng thế,
Phi hữu cũng phi vô.

Vì hữu nên nói vô,
Vì vô nên nói hữu.
Nếu Vô chẳng thể lập,
Thì Hữu làm sao có!
Hoặc nơi ngã, phi ngã,
Lưu luyến theo ngôn thuyết.
Chìm đắm nơi nhị biên,
Tự hoại, hoại thế gian.
Tạo lỗi chương giải thoát,
Tướng Thông ta quán sát.
Chẳng báng Đại Đạo Sư,
Ấy gọi là chánh quán.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ-tát bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn sở thuyết kế kinh, nói nhiếp thọ bất sanh bất diệt;

Thế Tôn cũng nói bất sanh bất diệt là biệt danh của Như Lai. Tại sao Thế Tôn vì vô tánh mà nói bất sanh bất diệt cho là biệt danh của Như Lai?

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

Ta nói tất cả pháp Bất sanh Bất diệt là chẳng hiện pháp Hữu và Vô.

Đại Huệ Bồ-tát lại bạch Phật rằng :

Nếu tất cả pháp bất sanh thì pháp Nhiếp Thọ bất khả đắc, vì pháp nhiếp thọ bất sanh.

**Nếu tất cả pháp bất sanh thì làm sao trong danh tự có pháp?
Cúi xin Phật thuyết rõ.**

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

**Lành thay, lành thay! Hãy chú ý lắng nghe và khéo ghi nhớ,
Ta sẽ vì người phân biệt giải thuyết.**

Đại Huệ Bồ-tát bạch Phật rằng :

- Lành thay Thế Tôn ! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

**Ta nói Như Lai chẳng phải vô tánh, cũng chẳng phải bất sanh
bất diệt, nhiếp tất cả pháp, cũng chẳng đợi duyên mà bất sanh
bất diệt, cũng chẳng phải vô nghĩa.**

Đại Huệ ! Ta nói ý sanh pháp thân là danh hiệu của Như Lai,

nói Bất Sanh kia, chẳng phải cảnh giới của tất cả ngoại đạo Thanh-văn, Duyên-giác, cho đến Thất Trụ Bồ-tát.

Đại Huệ ! Nghĩa Bất Sanh kia tức biệt hiệu của Như Lai.

Đại Huệ ! Ví như lưới báu Nhân Đà La của Đế Thích và Bất Nhân Đà La, các vật ấy mỗi mỗi có nhiều tên gọi, nhưng chẳng phải do nhiều tên mà có nhiều tánh, cũng chẳng phải không có tự tánh.

Như thế, Đại Huệ ! Ta ở nơi thế giới Ta Bà này có ba A-tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu, phàm phu thấy đều nghe, mỗi mỗi xưng danh hiệu Ta mà chẳng biết là biệt danh của Như Lai Ta.

Đại Huệ ! Hoặc có chúng sanh biết Ta là Như Lai,

Hoặc biết Ta là Nhất Thiết Trí,

Hoặc biết là Phật,
Hoặc biết là Người Cứu Thế,
Hoặc biết là Người Tự Giác,
Hoặc biết là Đạo Sư,
Hoặc biết là Quảng Đạo,
Hoặc biết là tất cả đạo,
Hoặc biết là Thiên Nhơn,
Hoặc biết là Phạm,
Hoặc biết là Trời,
Hoặc biết là Tự Tại,
Hoặc biết là thù thắng,
Hoặc biết là Tiên Nhơn Tóc Vàng,

Hoặc biết là Chơn Thật,
Hoặc biết là mặt trăng,
Hoặc biết là mặt trời,
Hoặc biết là Chúa Tể,
Hoặc biết là Vô Sanh,
Hoặc biết là Vô Diệt,
Hoặc biết là Tánh Không,
Hoặc biết là Như Như,
Hoặc biết là Chơn Đế,
Hoặc biết là Thật Tế,
Hoặc biết là Pháp Tánh,
Hoặc biết là Niết-bàn,

Hoặc biết là Thường,
Hoặc biết là Bình Đẳng,
Hoặc biết là Bất Nhị,
Hoặc biết là Vô Tướng,
Hoặc biết là Giải Thoát,
Hoặc biết là Đạo,
Hoặc biết là Sanh.

Đại Huệ ! Ba A-tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu như thế, chẳng thêm chẳng bớt, thế giới này và thế giới khác thấy đều biết Ta, như mặt trăng trong nước chẳng xuất chẳng nhập.

Phàm phu chẳng thể biết Ta, vì đọa nơi nhị biên, nhưng đều cung kính cúng dường Ta, mà chẳng khéo biết từ ngữ danh cú,

chẳng có tự thông, chẳng phân biệt được tên và nghĩa, lại chấp trước mỗi mỗi văn tự ngôn thuyết, nơi bất sanh bất diệt cho là Vô Tánh, chẳng biết danh hiệu sai biệt của Như Lai dù nhiều mà nghĩa vốn chẳng sai biệt, như một Đế Thích cũng có nhiều danh hiệu vậy. Vì chẳng biết tự thông hội về căn bản, nên đối với tất cả pháp, đuổi theo ngôn thuyết mà chấp trước.

Đại Huệ ! Bọn ngu si kia nói như thế này:

“Nghĩa như ngôn thuyết, nghĩa với ngôn thuyết chẳng khác. Tại sao? Vì nghĩa chẳng tự thân, ngoài ngôn thuyết chẳng có nghĩa khác, chỉ là ngôn thuyết thôi”.

Họ bị ác kiến đốt trí, chẳng biết ngôn thuyết tự tánh, chẳng biết ngôn thuyết là sanh diệt, nghĩa thì chẳng sanh diệt.

Đại Huệ ! Tất cả ngôn thuyết đọa nơi văn tự, nghĩa thì chẳng đọa, vì lìa tánh phi tánh, nên chẳng thọ sanh, cũng chẳng tự thân.

Đại Huệ ! Như Lai chẳng thuyết pháp đọa văn tự, vì văn tự hữu và vô đều bất khả đắc.

Đại Huệ ! Nếu có ai nói Như Lai thuyết pháp đọa văn tự, ấy là vọng ngữ, vì pháp lìa văn tự.

Cho nên Đại Huệ ! Ta cùng chư Phật và các Bồ-tát chẳng thuyết một chữ, chẳng đáp một chữ. Tại sao?

Vì pháp lìa văn tự chứ chẳng phải Ta thuyết cái nghĩa không lợi ích cho chúng sanh. Ta chỉ nói ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sanh.

Đại Huệ ! Nếu Ta chẳng thuyết tất cả pháp thì giáo pháp sẽ hoại, nếu giáo pháp hoại thì chẳng có chư Phật, Bồ-tát và Thanh-văn, Duyên-giác, vậy còn ai thuyết pháp cho ai?

Cho nên, Đại Huệ ! Đại Bồ-tát chớ chấp ngôn thuyết mà phương tiện tùy nghi rộng thuyết kinh pháp. Do chúng sanh phiền não hy vọng chẳng đồng, nên Ta và chư Phật vì mỗi mỗi hiểu biết khác nhau của chúng sanh mà thuyết các pháp, khiến họ lìa tâm, ý, ý thức, chẳng thuyết chỗ đắc Tự Giác Thánh Trí.

Đại Huệ ! Nơi tất cả pháp vốn Vô Sở Hữu, nếu giác được tự tâm hiện lượng thì lìa được hai thứ vọng tưởng, chư Đại Bồ-tát dựa theo nghĩa này mà chẳng dựa theo văn tự. Nếu thiện nam, tín nữ dựa theo văn tự, là tự hoại Đệ Nhất Nghĩa, chẳng thể tự

giác cũng chẳng thể giác tha, đọa nơi ác kiến tương tục mà vì chúng thuyết pháp, chẳng khéo liễu tri tất cả pháp tất cả địa tất cả tướng, cũng chẳng biết nghĩa cú.

Nếu khéo biết tất cả Pháp, tất cả Địa, tất cả Tướng, thông đạt nghĩa cú, tánh nghĩa đầy đủ thì họ được dùng sự vui vô tướng của chánh Pháp mà tự thọ sự vui, kiến lập Đại thừa bình đẳng cho chúng sanh.

Đại Huệ ! Người nhiếp thọ Đại thừa thì nhiếp thọ Chư Phật, Bồ-tát, Thanh-văn, Duyên-giác. Vì nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, Thanh-văn, Duyên-giác thì nhiếp thọ tất cả chúng sanh, nhiếp thọ tất cả chúng sanh thì nhiếp thọ chánh pháp, nhiếp thọ chánh pháp thì Phật chủng chẳng dứt, Phật chủng chẳng dứt

thì hay liễu tri chỗ đắc nhập thù thắng. Liễu tri chỗ đắc nhập thù thắng ấy là Đại Bồ-tát thường được ý sanh hóa thân, tùy nghi kiến lập pháp Đại thừa bình đẳng, dùng sức Thập Tự Tại hiện nhiều sắc tướng, thông đạt hình loại phiền não, các tướng hy vọng của chúng sanh mà thuyết pháp như thật.

Nói Như Thật tức là chẳng có khác biệt, tướng như thật là bất khứ, bất lai, tất cả hư ngụy đều dứt, gọi là Như Thật.

Đại Huệ ! Thiện nam, tín nữ chẳng nên nhiếp thọ sự tùy ngôn thuyết chấp trước, vì nghĩa chơn thật là nơi vắng lặng.

Đại Huệ ! Cũng như phàm phu dùng ngón tay chỉ vật, mà chỉ quán theo ngón tay thì chẳng được nghĩa thật. Cũng thế, nếu phàm phu tùy theo ngôn thuyết của ngón tay mà nhiếp thọ

chấp trước thì rốt cuộc chẳng thể đắc Đệ Nhất Nghĩa thật là ngón tay ngôn thuyết.

Đại Huệ ! Ví như nuôi trẻ nhỏ, nên cho ăn đồ chín, không nên cho ăn đồ sống, nếu cho ăn đồ sống thì có thể khiến nó phát bệnh. Người đuổi theo ngôn thuyết vì chẳng biết thứ lớp phương tiện của nghĩa pháp chín mùi cũng như thế.

Do đó, Đại Huệ ! Đối với pháp Bất sanh Bất diệt, người tu chẳng biết phương tiện là chẳng khéo tu, cho nên hành giả phải khéo tu phương tiện, chớ tùy theo ngôn thuyết như xem ngón tay mà chẳng thấy chỗ ngón tay chỉ.

Cho nên, Đại Huệ ! Người tu nên khéo biết phương tiện nơi nghĩa chơn thật, nghĩa chơn thật là nhân của Niết-bàn vi diệu

tịch tịnh, ngôn thuyết là vọng tưởng hòa hợp, vọng tưởng là tích tụ sanh tử.

Đại Huệ ! Nghĩa chơn thật là từ người đa văn mà đắc.

Đại Huệ ! Nói Đa Văn là thấu nơi nghĩa, chẳng phải ở nơi ngôn thuyết. Nói Thấu Nghĩa thì chẳng theo kinh luận của tất cả ngoại đạo, tự thân chẳng theo, cũng chẳng khiến người khác theo, ấy gọi là Đại Đức Đa Văn.

Cho nên người muốn cầu nghĩa nên thân cận bậc đa văn thì thấu được nghĩa. Trái với nghĩa này tức là chấp trước ngôn thuyết, nên phải xa lìa.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ-tát thừa oai thần của Phật mà bạch hỏi rằng :

Bạch Thế Tôn! Pháp Bất sanh Bất diệt của Thế Tôn hiển thị chẳng có gì lạ. Tại sao? Vì lập cái nghĩa Nhân của tất cả ngoại đạo, cũng nói bất sanh bất diệt, Thế Tôn cũng nói chẳng phải số lượng duyên diệt, là Niết-bàn Bất sanh Bất diệt.

Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo nói nhân duyên sanh thế gian.

Thế Tôn cũng nói do vọng tưởng vô minh nghiệp ái làm duyên sanh khởi thế gian.

Họ nói nhân, đây nói duyên, ấy chỉ là danh từ sai biệt thôi. Nhân duyên các vật cũng như thế.

Thế Tôn với ngoại đạo lập luận chẳng có sai biệt.

Ngoại đạo nói vi trần, thắng diệu, tự tại, chúng sanh, chúa, v.v... Có chín sự vật bất sanh, bất diệt;

Thế Tôn cũng nói tất cả tánh bất sanh, bất diệt, hữu và vô bất khả đắc.

Ngoại đạo cũng nói tứ đại chẳng hoại, tự tánh bất sanh bất diệt, tứ đại thường là tứ đại, cho đến luân hồi lục đạo mà chẳng xa là tự tánh.

Thế Tôn sở thuyết cũng như thế. Cho nên con nói chẳng có gì lạ.

Nay cúi xin Thế Tôn vì đại chúng thuyết pháp đặc biệt, kỳ lạ hơn các pháp ngoại đạo. Nếu pháp chẳng sai biệt thì tất cả ngoại đạo cũng đều là Phật, vì cùng nói bất sanh, bất diệt vậy.

Lại, Thế Tôn nói nơi một thế giới mà có nhiều Phật ra đời là chẳng có chỗ đúng, nếu theo lời sở thuyết trên thì trong một

thế giới phải có nhiều Phật, vì pháp ngoại đạo với Phật chẳng sai biệt vậy.

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

Ta nói Bất Sanh Bất Diệt, chẳng đồng bất sanh bất diệt của ngoại đạo. Tại sao? Vì các ngoại đạo họ chấp có tánh của tự tánh để đặc tướng bất sanh bất biến, Ta chẳng như thế mà đọa sự hữu và vô.

Đại Huệ ! Pháp Ta nói là hữu và vô, là sanh diệt, phi tánh phi vô tánh, mỗi mỗi pháp như mộng huyễn hiện, nên phi vô tánh. Nói Vô Tánh là sắc tướng chẳng có tự tánh nhiếp thọ, hiện như chẳng hiện, nhiếp như chẳng nhiếp. Do đó nên nói tất cả tánh vô tánh, cũng phi vô tánh.

Hễ giác được tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sanh, yên ổn an lạc, dứt hẳn việc thế gian. Phàm phu ngu si, dùng vọng tưởng làm việc, chẳng phải Thánh Hiền, biết vọng tưởng chẳng thật như thành Càn-thát-bà và người huyễn hóa.

Đại Huệ ! Như trong thành Càn-thát-bà, có người huyễn hóa, người buôn bán, đủ thứ chúng sanh ra vào, phàm phu vọng tưởng cho có người chơn thật ra vào, nhưng thật thì chẳng có kẻ ra người vào.

Như thế, Đại Huệ ! Phàm phu ngu si, khởi tưởng mê hoặc bất sanh bất diệt, thật cũng chẳng có hữu vi vô vi, hoặc sanh hoặc diệt của người huyễn, kỳ thật người huyễn vốn chẳng có. Tất cả pháp cũng như thế, là nơi sanh diệt, tánh và vô tánh đều

Vô Sở Hữu. Phàm phu ngu si, đoạ kiến chấp bất như thật, khởi vọng tưởng sanh diệt, Bất Như Thật của các bậc Thánh Hiền thì chẳng như vậy.

Nhưng tánh và phi tánh với vọng tưởng cũng chẳng có khác, nếu khác với vọng tưởng, chấp trước tất cả tánh của tự tánh thì chẳng thấy tịch tịnh. Nếu chẳng thấy tịch tịnh thì rốt cuộc chẳng thể là vọng tưởng.

Cho nên Đại Huệ ! Chẳng có thấy tướng mà thấy vô tướng mới đúng. “Thấy Tướng” là cái nhân thọ sanh nên chẳng đúng, vô tướng thì vọng tưởng chẳng sanh, chẳng khởi chẳng diệt, Ta nói là Niết-bàn.

Đại Huệ ! Nói Niết-bàn là thấy nghĩa chơn thật, là pháp tâm,

tâm số của vọng tưởng, cho đến đắc Như Lai Tự Giác Thánh Trí, Ta nói là Niết-bàn.

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

Diệt trừ Nhân Sanh Luân,

Kiến lập nghĩa bất sanh.

Pháp Ta thuyết như thế,

Phàm phu chẳng thể biết.

Tất cả pháp Bất sanh,

Vô Tánh Vô Sở Hữu.

Như thành Càn-thát-bà,

Và mộng huyễn vô nhân.

Bất sanh chẳng tự tánh,
Pháp Không có nhân gì?
Vì là nơi hòa hợp,
Tánh giác tri chẳng hiện.
Nên pháp Không bất sanh.
Ta nói chẳng tự tánh.
Vì mỗi mỗi hòa hợp,
Dù hiện chẳng thật có.
Phân tích chẳng hòa hợp,
Kiến chấp của ngoại đạo.
Như mộng huyễn hoa đốm,
Và thành Càn-thát-bà.

Mỗi mỗi việc thế gian,
Vô nhân mà tướng hiện.
Hàng phục Hữu Nhân Luận,
Hiển bày nghĩa Vô Sanh.
Pháp Vô Sanh hiển bày,
Thì dòng pháp chẳng dứt.
Vô sanh tức vô nhân,
Các ngoại đạo kinh sợ.

Khi ấy Đại Huệ Bồ-tát dùng kệ hỏi Phật rằng:

Thế nào là Sở nhân?
Do nhân nào có sanh?
Ở nơi nào hòa hợp,

Mà lập Vô Nhân Luận?

Thế Tôn dùng kệ đáp:

Quán sát pháp Hữu vi,

Chẳng nhân chẳng vô nhân.

Ngoại đạo sanh diệt luận,

Kiến chấp từ đây diệt.

Đại Huệ Bồ-tát lại dùng kệ hỏi rằng:

Thế nào là Vô Sanh?

Ấy là vô tánh ư?

Hoặc vì quán các duyên,

Có pháp gọi Vô Sanh?

Tên chẳng lẽ không nghĩa?

Cúi xin phân biệt thuyết.

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng :

Phi Vô Tánh Vô Sanh,

Cũng phi quán các duyên,

Phi hữu tánh đặt tên,

Có tên phi vô nghĩa.

Phi cảnh giới ngoại đạo,

Thanh-văn và Duyên-giác.

Cho đến hàng Thất Trụ,

Đây gọi tướng Vô Sanh.

Xa lìa các nhân duyên,

Cũng lìa tất cả việc.

Vì duy tâm kiến lập,
Tưởng, sở tưởng đều là.
Sắc thân tùy nghiệp chuyển,
Ta nói là Vô Sanh.
Vô tánh vô ngoài tánh,
Cũng chẳng tâm nhiếp thọ.
Dứt tất cả kiến chấp,
Ta nói là Vô Sanh.
Phân biệt nhiều nghĩa Không,
Phi Không nên nói Không.
Vô sanh nên nói Không,
Vô tự tánh như thế.

Do nhân duyên hòa hợp,
Thì có sanh có diệt.
Lìa các số nhân duyên,
Vốn chẳng có sanh diệt.
Lìa bỏ số nhân duyên,
Thì chẳng có tánh khác.
Nếu nói nhất và dị,
Là vọng tưởng ngoại đạo.
Tánh Hữu, vô bất sanh,
Phi hữu cũng phi vô.
Ngoại trừ số chuyển biến,
Thảy đều bất khả đắc.

Chỉ có số thế tục,
Duyên nhau thành xiềng xích.
Là nhân duyên xiềng xích,
Phàm phu chẳng thể hiểu.
Nếu là duyên xiềng xích,
Nghĩa Sanh bất khả đắc.
Tánh Vô Sanh chẳng khởi,
Là các lỗi ngoại đạo.
Chỉ nói duyên xiềng xích,
Phàm phu chẳng thể hiểu.
Nếu là duyên xiềng xích,
Mà có tánh sanh khác.

Ấy là Vô Nhân Luận,
Phá hoại nghĩa xiềng xích.
Như đèn hiển sắc tướng,
Xiềng xích hiện cũng thế.
Nếu là nghĩa xiềng xích,
Lại còn có các tánh.
Tánh ấy đều Vô Tánh,
Như tánh của hư không.
Là xiềng xích cũng thế,
Bậc trí chẳng phân biệt.
Vô sanh chẳng pháp khác,
Là pháp của Thánh Hiền.

Người đắ^đc pháp Vô Sanh,
Là chứng Vô Sanh Nhẫ^ẫn.
Giả sử trong thế gian,
Người quán sát xiề^ềng xích.
Là tất cả xiề^ềng xích,
Do đó đắ^đc Chánh định.
Nghị^ệp ái tham, sân, si,
Là xiề^ềng xích nội tâm.
Đất sinh, cây dùi lửa,
Là chủng tử bên ngoài.
Trong ngoài duyên nhau sanh.
Giả sử có tánh khác,

Chẳng phải nghĩa xiềng xích,
Pháp ấy chẳng thành tự.
Nếu Sanh chẳng tự tánh,
Ai làm nghĩa xiềng xích.
Vì lần lượt sanh nhau,
Nên gọi nghĩa Nhân Duyên.
Phàm phu vọng tưởng sanh,
Pháp địa, thủy, hỏa, phong.
Là số chẳng pháp khác,
Là cái thuyết Vô Tánh.
Như thầy thuốc chữa bệnh,
Vì bệnh có sai biệt,

Nên lập đủ thứ luận,
Để trị mỗi mỗi bệnh.
Ta vì các chúng sanh,
Đoạn dứt phiền não họ.
Tùy trình độ cao thấp,
Thuyết Độ Môn cho họ.
Gốc phiền não chẳng khác,
Mà có đủ thứ pháp.
Đây thuyết pháp Nhất thừa,
Cũng gọi là Đại thừa.

Đại Huệ Bồ-tát lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn ! Tất cả ngoại đạo đều khởi vọng tưởng vô

thường, Thế Tôn cũng thuyết tất cả hành, vô thường, là pháp sanh diệt.

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào? Là tà hay chánh? Có mấy thứ vô thường?

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

Tất cả ngoại đạo có bảy thứ vô thường, chẳng phải pháp Ta thuyết vậy.

Thế nào là bảy?

Họ nói “tạo rồi lại bỏ” gọi là vô thường;

Hoặc nói hình xứ hoại gọi là vô thường;

Hoặc nói ngay sắc thể đó là vô thường;

Hoặc nói giữa quá trình biến chuyển gọi là vô thường,

Các vật tự thể tan hoại chẳng gián đoạn, như sự chuyển biến của sữa thành tô lạc, ngay giữa chuyển biến chẳng thể thấy, tất cả tánh chuyển biến vô thường hủy hoại cũng như thế.

Hoặc nói tánh, vô thường, hoặc nói tánh, vô tánh, vô thường, Hoặc nói tất cả pháp bất sanh, vô thường, v.v...

Họ đem những kiến chấp vô thường này vào tất cả các pháp.

Đại Huệ ! Ngoại đạo nói Tạo Rồi Liền Bỏ Là Vô Thường.

Ta nói lìa kẻ bắt đầu tạo ra vô thường thì chẳng phải tứ đại. Vì tứ đại bất sanh là nghĩa Thường, nếu còn có pháp khác với tứ đại, mỗi mỗi tự tướng khác nhau thì chẳng có sai biệt để đắc, vì sai biệt ấy đều chẳng thể tạo nữa. Hai thứ phân biệt chẳng thể tạo, nên biết vô thường tức là thường.

Ngoại đạo nói Hình Xứ Hoại Là Vô Thường. Ta nói tứ đại và tứ đại tạo sắc chẳng hoại, cứu cánh chẳng hoại.

Đại Huệ ! Nói “Cứu cánh” là phân tích cho đến vi trần, quán sát sự hoại của tứ đại và tứ đại tạo sắc, thấy hình xứ dài ngắn và khác biệt đều bất khả đắc thì chẳng phải tứ đại, nên nói tứ đại chẳng hoại. Hiện “hình xứ hoại” là đọa nơi Số Luận.

Ngoại đạo nói Ngay Sắc Thể Tức Là Vô Thường, ấy cũng là hình xứ vô thường, chẳng phải tứ đại.

Nếu tứ đại vô thường thì chẳng phải ngôn thuyết thể tục, vì ngôn thuyết thể tục phi tánh. Thấy tất cả tánh chỉ có ngôn thuyết, chẳng thấy tự tướng sanh, là đọa nơi Thế Luận.

Ngoại đạo nói Chuyên Biến Vô Thường.

Ta nói sắc thể hiện khác với tánh, chẳng phải tứ đại có khác. Như vàng làm ra nhiều đồ trang sức, hiện chuyển biến khác nhau nhưng chẳng phải tánh vàng có khác, chỉ là những đồ trang sức khác nhau thôi. Vậy các tánh kia chuyển biến cũng như thế.

Đại Huệ ! Nói Tánh Vô Thường là tự tâm vọng tưởng, chấp tánh phi thường là vô thường. Tại sao? Nói vô thường của tự tánh bất hoại.

Đại Huệ ! Đây là tất cả tánh vô tánh, là sự vô thường. Ngoài sự vô thường, chẳng có gì có thể khiến tất cả pháp tánh vô tánh; như gạch, ngói, đá, dù có tướng khác biệt, phá hoại rồi thì thấy mỗi mỗi chẳng khác, ấy là tự tánh vô thường, chẳng phải năng

tác sở tác có sai biệt, đây là sự vô thường. Vì năng tác sở tác chẳng khác thì tất cả tánh vô nhân. Tánh vô nhân là thường.

Đại Huệ ! Tất cả tánh vô tánh hữu nhân, chẳng phải phạm phu có thể biết. Phi nhân thì sự bất tương tự sanh khởi, nếu sanh khởi thì nói tất cả tánh thấy đều vô thường là có lỗi. Việc bất tương tự này, năng tác sở tác chẳng có sai biệt mà lại thấy có khác.

Nếu nói tánh vô thường thì đọa tánh tướng có nhân, tác, có tác thì tất cả tánh chẳng cứu cánh. Nếu tất cả tánh đọa tướng có năng tác, thì năng tác vô thường, sở tác cũng vô thường; năng vô thường, sở vô thường thì tất cả tánh chẳng vô thường, vì vô thường thường sanh vô thường, tức là thường vậy.

Nếu chấp vô thường vào tất cả tánh thì hoại nghĩa tam thể. Như sắc quá khứ vô thường ắt chẳng là hoại; nếu đã hoại thì vị lai bất sanh, nếu sắc bất sanh thì tướng sắc hiện tại cũng đồng như hoại.

Nói Sắc là do tứ đại tích tụ, có tánh sai biệt, tứ đại và tứ đại tạo sắc tự tánh chẳng hoại, là khác và chẳng khác.

Tất cả ngoại đạo đối với nghĩa chẳng hoại, tứ đại và tứ đại tạo sắc nơi tất cả tam giới chẳng thể biết tánh vốn chẳng hoại, nên có sanh diệt.

Nếu là tứ đại tạo sắc, thì tất cả ngoại đạo dựa vào đâu mà suy nghĩ tánh vô thường ư? Tướng tự tánh bất hoại thì tướng tự tánh bất sanh.

Đại Huệ ! Nói Tánh Vô Tánh Vô Thường, là là tứ đại và tứ đại sở tạo, khi tự tướng hoại, tứ đại tự tánh bất khả đắc, tức là bất sanh.

Nói Bất Sanh Vô Thường, là phi thường vô thường. Tất cả pháp hữu và vô bất sanh, phân tích cho đến vi trần thì chẳng thể thấy, ấy là nghĩa bất sanh, phi sanh, gọi là tướng Vô thường Bất sanh.

Nếu chẳng giác được nghĩa này thì đọa ngoại đạo sanh nghĩa vô thường. Mỗi mỗi ngoại đạo vọng tưởng có kiến chấp vô thường như thế, như lúc tứ đại bị cháy mà tự tướng chẳng cháy.

Nếu tướng của mỗi mỗi tự tướng tiêu hoại thì mỗi mỗi tạo sắc phải đoạn dứt, mà thật thì chẳng như thế.

Đại Huệ ! Pháp Ta nói phi thường phi vô thường.

Tại sao? Vì ngoài tánh chẳng thể quyết định, nên chỉ nói tam giới duy tâm, chẳng nói mỗi mỗi tướng có sanh có diệt. Tứ đại hòa hợp có sai biệt là do tứ đại và tứ đại tạo sắc sanh ra vọng tưởng phân biệt.

Có hai thứ năng nhiếp sở nhiếp, nếu biết hai thứ đều là vọng tưởng, là hai thứ kiến chấp ngoài tánh phi tánh, giác được vọng tưởng của tự tâm hiện lượng do tự tướng tác hành sanh khởi phân biệt mới có, sở tác nghiệp tướng gọi là vọng tưởng sanh, chẳng phải không có tự tướng tác hành mà gọi là vọng tưởng vậy. Là vọng tưởng của tâm, tánh, vô tánh, tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, cho đến siêu việt xuất thế gian, đều phi

thường phi vô thường. Nếu chẳng biết tự tâm hiện lượng, thì đọa ác kiến nhị biên tương tục.

Tất cả ngoại đạo do tự vọng tưởng, chẳng biết ba thứ pháp tướng thế gian, pháp tướng xuất thế gian và thắng pháp tướng xuất thế gian, dựa theo ngôn ngữ vọng tưởng thuyết mỗi mỗi pháp. Ta nói cảnh giới phi thường phi vô thường, chẳng phải phàm phu có thể hiểu biết, vì họ chẳng giác được tự tâm hiện lượng vậy.

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

Lìa sự bắt đầu tạo,
Và hình xứ khác biệt.

Nói tánh Sắc vô thường,
Là vọng tưởng ngoại đạo.
Các tánh chẳng thể hoại,
Tự trụ tánh tứ đại.
Ngoại đạo tưởng vô thường,
Là chìm nơi kiến chấp.
Pháp hoặc sanh hoặc diệt,
Tánh tứ đại tự thường.
Tại sao bọn ngoại đạo
Lại sanh tưởng vô thường?
Năng nhiếp và sở nhiếp,
Tất cả duy tâm tạo.

Theo hai tâm lưu chuyển,
Vô ngã và ngã sở.
Nói gốc cây Phạm Thiên,
Nhánh lá khắp thế gian.
Theo pháp Ta sở thuyết,
Chỉ do tâm họ tạo.

Khi ấy, Đại Huệ Bồ-tát bạch Phật rằng:
Bạch Thế Tôn ! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng thứ lớp
tương tục Diệt Tận Định của tất cả Bồ-tát, Thanh-văn, Duyên
giác.

Nếu khéo biết tướng thứ lớp tương tục Diệt Tận Định, thì
khiến con và các Bồ-tát chẳng vọng xả sự vui của pháp môn

Diệt Tận Định, cuối cùng chẳng đọa sự ngu si của tất cả ngoại đạo Thanh-văn và Duyên-giác.

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

Hãy chú ý lắng nghe và khéo ghi nhớ. Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Đại Huệ Bồ-tát bạch Phật rằng :

- Lành thay Thế Tôn ! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

Từ Sơ Địa đến Lục Địa Bồ-tát đắc như Vô Ngã, nhập Diệt Tận Định với Thanh-văn, Duyên-giác chẳng khác; vì nơi định có xuất có nhập, chưa thể niệm niệm nhập. Thất Địa Bồ-tát nhập Diệt Tận Định là tất cả tướng hữu vô.

Dù có tánh Niết-bàn mà chẳng trụ, chẳng như Nhị Thừa có nhiếp thọ sự vui của chánh định, cho chánh định là thiện, duyên theo hữu vi nhập Diệt Tận Định, đọa cảnh giới năng nhiếp sở nhiếp và có hành có giác. Cho nên Thất Địa Bồ-tát niệm niệm nhập Diệt Tận Định mà chẳng nghĩ Diệt Tận Định là thiện, đắc tất cả pháp tướng chẳng sai biệt, chẳng phân biệt pháp hữu, pháp vô, pháp thiện, pháp bất thiện.

Đại Huệ ! Bát Địa Bồ-tát xả lìa Tạng thức chẳng những đối với tất cả pháp mỗi mỗi tướng diệt, cho đến tâm, ý, ý thức h vọng phân biệt của Thanh-văn, Duyên-giác cũng diệt.

Từ Sơ Địa cho đến Thất Địa Bồ-tát sở tu quán hạnh, thấy tất cả các pháp nơi tam giới chỉ do tâm, ý, ý thức sở hiện tâm lượng,

lìa ngã và ngã sở v.v... cũng chuyển diệt luôn, chẳng thấy ngoài pháp có mỗi mỗi các tướng.

Ngoại đạo ở nơi tự tâm khởi vọng tưởng phân biệt, hư vọng tu tập, thấy ở ngoài pháp có tướng để đắc, thì đọa mỗi mỗi tướng ngoài tánh. Ấy là hai thức chấp trước của phàm phu ngoại đạo, dùng tự tâm nhiếp tự tâm, thấy có pháp năng nhiếp sở nhiếp bèn nói tất cả đoạn diệt, chẳng biết đọa nơi cảnh giới cõi vô tướng, chẳng biết do tập khí hư ngụy từ vô thủy sở huân mà đoạn diệt chủng tánh Phật.

Đại Huệ ! Bát Địa Bồ-tát sở đắc Tam-muội với Thanh-văn, Duyên-giác dù hơi giống nhau, nhưng Bồ-tát nơi Tam-muội có chánh giác gia trì, nên dù có sự vui của Tam-muội mà chẳng

nhập Niết-bàn. Nếu chẳng có chánh giác gia trì thì như Nhị Thừa tự yên ổn, chẳng thể trọn vẹn bằng Đại Như Lai, mà tự chứng Niết-bàn, xả bỏ tất cả chúng sanh, chẳng vì chúng sanh thuyết pháp hữu vi để dần dần dẫn dắt chúng sanh vào tri kiến Như Lai thì Phật chúng ắt phải đoạn dứt.

Chư Phật Thế Tôn vì muốn khiến Nhị Thừa nối tiếp Phật Chúng, nên hiển thị vô lượng công đức bất khả tư nghì của Như Lai, nhưng hàng Thanh-văn, Duyên-giác ham trụ sự vui của Tam-muội chẳng chịu hồi tâm tiến lên Đại thừa, lại tự cho là đã chứng Niết-bàn.

Đại Huệ ! Ta sở dĩ nhấn mạnh bộ phận “Thất Địa” là muốn hành giả khéo tu phương tiện, xa lìa các tướng tâm, ý, ý thức

và kiến chấp ngã, ngã sở, nhiếp thọ như vô ngã, pháp Vô Ngã và Biện tài Tứ vô ngại, đặc sức quyết định nơi Tam-muội Môn, từ những đạo phẩm tương tục từ trước đến đây lần lượt tiến lên Bát Địa cho đến Thập Địa.

Vì e sợ các Bồ-tát chẳng khéo liễu tri tự tướng cộng tướng và sự thứ lớp tương tục của chư Địa mà đọa nơi ác kiến của ngoại đạo, nên kiến lập thứ lớp của chư Địa.

Đại Huệ ! Ngoại trừ tự tâm hiện lượng, thật chẳng có pháp sanh pháp diệt, chư Địa thứ lớp tương tục và đoạn dứt mỗi mỗi hạnh mê hoặc rơi vào tam giới, chỉ vì phàm phu chẳng giác ngộ, nên Ta và chư Phật thuyết chư Địa thứ lớp tương tục và thuyết pháp đoạn dứt mỗi mỗi hạnh mê hoặc nơi tam giới.

Lại nữa, Đại Huệ ! Bồ-tát đệ Bát Địa vì muốn diệt ham trụ sự vui nơi Tam-muội của Thanh-văn, Duyên-giác, biết họ chẳng khéo giác tự tâm hiện lượng của tự tướng cộng tướng, bị rượu tập khí say mê sở chương, đọa kiến chấp nhiếp thọ như pháp Vô Ngã, vọng tưởng cho là Niết-bàn, chẳng phải trí huệ tịch diệt của tự giác.

Đại Huệ ! Bồ-tát thấy sự vui của Tam-muội Môn tịch diệt, do bốn nguyên đại bi thành tự thương xót chúng sanh, phân biệt liễu tri Thập Vô Tận Cú, chẳng trụ vọng tưởng Niết-bàn. Vì chỗ họ biết vốn đã Niết-bàn, nên vọng tưởng chẳng sanh, là năng nhiếp sở nhiếp của vọng tưởng, giác liễu tự tâm hiện lượng nơi tất cả các pháp, vì vọng tưởng

chẳng sanh nên chẳng đọa nơi tâm, ý, ý thức và tướng vọng tưởng chấp trước ngoài tánh của tự tánh.

Đối với Phật pháp chẳng có cái nhân bất sanh, là tùy theo trí huệ mà sanh, nên chứng đắc Như Lai Tự Giác Địa. Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, nhưng chưa qua đã thức, thức rồi suy nghĩ là chánh hay là tà, hoặc phi chánh phi tà. Người ấy do tưởng nhớ mỗi mỗi tập khí của kiến văn giác tri từ vô thủy, nên ở mỗi mỗi hình xứ đọa tướng hữu và vô, thành có giấc mơ hiển hiện nơi tâm, ý, ý thức nên suy nghĩ như thế.

Đại Huệ ! Như thế, Đại Bồ-tát nơi đệ Bát Địa thấy chỗ vọng tưởng sanh, từ Sơ Địa tiến đến Thất Địa, thấy tất cả pháp như huyễn, dùng phương tiện độ thoát cái tâm vọng tưởng năng

nhiếp sở nhiếp xong, dùng phương tiện của Phật pháp khiến người chưa chứng đắc được chứng đắc.

Đại Huệ ! Đây là phương tiện chẳng đoạn dứt nơi Niết-bàn của Bồ-tát, là tâm, ý, ý thức, đắc Vô Sanh Pháp Nhãn.

Đại Huệ ! Nơi Đệ Nhất Nghĩa chẳng có thứ lớp tương tục, nói “Vọng tưởng Vô Sở Hữu” là pháp tịch diệt.

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

Tam thế Chư Phật thuyết,

Tâm lượng Vô Sở Hữu.

Bậc Trụ Địa Bồ-tát,

Được đến địa vị Phật.

Tâm lượng nơi Tạng Thức,

Thất Địa chưa diệt sạch.

Bát Địa mới diệt hết.

Hai Địa Thất và Bát,

Đều gọi là Trụ Địa.

Phật địa gọi Tối Thắng,

Trí tự giác trong sạch.

Chỗ tự tại Tối Thắng,

Chiếu soi như lửa hồng,

Quang minh khắp mọi nơi,

Sáng lòa chẳng chói mắt.

Giáo hóa lúc hiện tại,

Hoặc giáo hóa lúc trước,
Đến đây diễn Nhất Thừa,
Đều vào Địa Như Lai.
Nhất thừa lập chư Địa,
Thật thì chẳng thứ lớp.
Thập Địa như Sơ Địa,
Sơ Địa như Bát Địa,
Cửu Địa như Thất Địa,
Thất Địa như Bát Địa,
Nhị Địa như Tam Địa,
Tứ Địa như Ngũ Địa,
Tam Địa như Lục Địa,

Thông nhau chẳng thứ lớp.

Đại Huệ Bồ-tát lại bạch Phật rằng :

Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác là thường hay vô thường?

Phật bảo Đại Huệ Bồ-tát:

Như Lai, Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phi thường phi vô thường, vì cả hai đều có lỗi.

Nếu nói Thường thì có cái lỗi năng tác, tất cả ngoại đạo đều nói “thường có kẻ tác”, Thường do tác mà thành thì chẳng phải chơn thường. Như Lai đối với chơn thường còn chẳng thấy có tướng Thường để đắc, huống là do tạo tác mà thành Thường ư? Nên nói có lỗi.

Nếu nói Như Lai Vô Thường thì có cái lỗi sở tác Vô Thường. Ngoại đạo cho ngũ ấm là sở tác, nhưng tướng năng thấy và sở thấy của ngũ ấm đều chẳng tự tánh, rốt cuộc phải đoạn diệt, mà Như Lai thì chẳng đoạn diệt.

Đại Huệ ! Tất cả sở tác đều vô thường, như cái bình, y áo v.v... tất cả đều có cái lỗi vô thường. Thế thì tất cả công đức phương tiện dùng để độ chúng sanh của Nhất Thiết Trí sở tác đều thành vô nghĩa, vì có sở tác. Nếu có nghĩa thì tất cả sở tác của thế gian đều đồng như sở tác của Như Lai, vì chẳng có tánh sai biệt vậy. Cho nên Như Lai nói phi thường phi vô thường.

Lại nữa, Đại Huệ ! Như Lai chẳng phải như Hư Không Thường. Nếu như hư không thường thì thành Ngoan không

Vô Tri, mà Tự Giác Thánh Trí thì đầy đủ linh giác. Vậy nói “Nhu Hư Không Thường” thì có cái lỗi vô nghĩa.

Đại Huệ ! Ví như hư không phi thường phi vô thường, là thường, vô thường, nhất, dị đồng, chẳng đồng, nên bất khả thuyết, cho nên Như Lai phi Thường.

Lại nữa, Đại Huệ ! Nếu Như Lai là Vô Sanh Thường thì như sừng của thỏ, ngựa cũng là Vô Sanh Thường, vậy thì pháp phương tiện thành vô nghĩa, vì có cái lỗi “Vô Sanh Thường”, nên Như Lai phi Thường.

Đại Huệ ! Còn có việc khác biết Như Lai là Thường. Tại sao? Vì trí sở đắc Thường nên Như Lai Thường.

Đại Huệ ! Như Lai hoặc ra đời hoặc chẳng ra đời, pháp cố

định thường trụ. Thanh-văn, Duyên-giác, chư Phật Như Lai thường trụ chẳng gián đoạn, cũng chẳng phải vô tri như hư không thường trụ, cũng chẳng phải phàm phu có thể hiểu biết.

Đại Huệ ! Trí sở đắc của Như Lai là do Bát Nhã sở huân, chẳng như chỗ tâm ý, ý thức của ngoại đạo kia do ẩm, giới, nhập sở huân.

Đại Huệ ! Tất cả tam giới đều do vọng tưởng chẳng thật sở sanh, Như Lai thì chẳng từ vọng tưởng chẳng thật sanh.

Đại Huệ ! Vì hai pháp đối đãi nên có thường và vô thường, chẳng phải pháp bất nhị, Pháp bất nhị là tịch tịnh, vì tất cả pháp chẳng có hai tướng sanh. Cho nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phi thường phi vô thường.

Đại Huệ ! Nếu sanh ngôn thuyết phân biệt thì có cái lỗi thường và vô thường. Nếu cái giác phân biệt diệt thì xa lìa kiến chấp Thường, Vô Thường của phàm phu. Kiến chấp phàm phu hư vọng phân biệt mỗi mỗi pháp thường, pháp vô thường, phi thường phi vô thường, huân tập theo pháp sanh diệt, dẫu có trí huệ cũng chẳng thể tịch tịnh.

Nam-mô Lăng Già Hội Thượng Phật, Bồ-tát

Ma-ha-tát. (3 lần)

(KINH NHẬT TỤNG - Trang 134)

NGHI THỨC CÚNG NGỌ

TÁN HƯƠNG

Hương tài nhiệt

Lư phần bảo đánh trung

Chiên-đàn trầm nhũ chơn kham cúng

Hương yên lâu nhiều liên-hoa động

Chư Phật, Bồ-tát hạ thiên cung

Thiên Thai sơn La-hán

Lai thọ nhơn gian cúng.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát. (3 lần)

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

**Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời
chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.**

**Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị
không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như
thị.**

**Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất
cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô
thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc,
thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới.
Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão
tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.**

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-Nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái-ngại; vô quái-ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên-đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam-thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-Bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại-thần chú, thị đại-minh chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la-tăng yết-đế, Bồ-đề tát bà-ha.

(3 lần)

TÁN PHẬT

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật

Thập phương thế giới diệc vô tỷ

Thế gian sở hữu ngã tận kiến

Nhứt thiết vô hữu như Phật giả.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

CÚNG DƯỜNG

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Phật.

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Pháp.

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Tăng.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật.

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

Nam mô Thập Phương Tam Thế Nhứt Thiết Chư Phật.

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát.

Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát.

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ-tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ-tát.

Nam mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát.

Nam mô Già Lam Thánh Chúng Bồ-tát.

Nam mô Giám Trai Sứ Giả Bồ-tát.

Nam mô Thập Điện Minh Vương Bồ-tát.

Nam mô Lịch Đại Tổ Sư Bồ-tát

Nam mô Đạo Tràng Hội Thượng Phật, Bồ-tát.

BIẾN THỰC CHƠN NGÔN

Năng mờ tát phạ đất tha nga đa, phạ lồ chỉ đế.

Án, tam bạc ra, tam bạc ra hồng. (3 lần)

CAM LỒ THỦY CHƠN NGÔN

Năng mờ tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha.

Án, tô rô, tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha. (3 lần)

Thử thực sắc hương vị,

Thượng cúng thập phương Phật,

Trung phụng chư Hiền Thánh,

Hạ cập lục đạo phẩm,
Đẳng thí vô sai biệt,
Tùy nguyện giai bảo mãn,
Linh kim thí giả đắc,
Vô lượng Ba-la-mật.
Tam đức lục vị,
Cúng Phật cập Tăng,
Pháp giới hữu tình,
Phổ đồng cúng dường.

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN

Án, nga nga nã tam bà phạ, phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)

TÁN PHỔ CÚNG DƯỜNG

Ngã kim phụng hiến cam lồ vị,
 Lượng đẳng Tu-di vô quá thượng,
 Sắc hương mỹ vị biến hư không,
 Duy nguyện Từ Bi ai nập thọ.

Nam mô Phổ Cúng Dường Bồ-tát. (3 lần)

Tứ sanh, cửu hữu
 Đồng đẳng Hoa Tạng huyền môn,
 Bát nạn, tam đồ,
 Cộng nhập Tỳ Lô tánh hải.

Cúng Phật dĩ ngật,
Đương nguyện chúng sanh,
Sở tác giai biện,
Cụ chư Phật pháp.

HỒI HƯỚNG

Phúng Kinh công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hướng
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh
Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật-sát.
Nguyện tiêu tam chương, trừ phiền não

Nguyên đắc trí huệ chơn minh liễu
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ.
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.

Nguyên sanh Tây-phương Tịnh-độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ Vô sanh
Bất thối Bồ-tát vi bạn hữu.

Nguyên dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dữ chúng-sanh.
Giai cộng thành Phật đạo.

TAM QUY Y

**Tự quy y Phật, Đương nguyện chúng sanh, Thế
giải đại đạo, Phát vô thượng tâm. (1 lạy)**

**Tự quy y Pháp, Đương nguyện chúng sanh, Thâm
nhập kinh tạng, Trí huệ như hải. (1 lạy)**

**Tự quy y Tăng, Đương nguyện chúng sanh, Thống
lý đại chúng, Nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)**

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo.